

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 1/8

- Tên khách hàng/ Client's Name : CHI NHÁNH NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH HẬU LỘC - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SỐ 7 TH
- Địa chỉ/ Client's Address : Khu Trung Đức, Thị Trấn Hậu Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/02/2023
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 20/02/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 27/02/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC SẠCH DÙNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT.
VỊ TRÍ LẤY MẪU: Chi nhánh nhà máy nước sạch Hậu Lộc
Đ/C: KHU TRUNG ĐỨC, THỊ TRẤN HẬU LỘC, HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HOÁ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	LS Clo dư tự do (tính theo Cl ₂) / Free chlorine (as Cl ₂)	0.7	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021	0.2 - 1.0
5	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.56	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Pt-Co	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ
8	LS pH (*) / pH value (*)	7.91	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
9	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TS-KT-VS-115 (SMEWW 9213B:2017)	<1

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 2/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
10	LS Pseudomonas aeruginosa / Pseudomonas aeruginosa	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<1
11	LS Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*) / Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
12	LS Antimon (Sb) (*) / Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.02
13	LS Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	0.022	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.7
14	LS Bor (B) (*) / Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
15	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
16	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
17	LS Chỉ số permanganate (KMnO ₄) (*) / Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.461	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 E)	2
18	LS Clorua (Cl) (*) / Chloride (Cl) (*)	28.8	mg/L	-	SMEWW 4500 (Cl) B:2017	250 (hoặc 300)
19	LS Crom (Cr) (*) / Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.05
20	LS Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	1
21	LS Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) (*) / Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	115	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 E)	300
22	LS Florua (F) (*) / Fluoride (F) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	SMEWW 4500 (F) D:2017	1.5

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 3/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
23	LS Kẽm (Zn) (*) / Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	2
24	LS Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.1
25	LS Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	3.10	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	200
26	LS Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.2
27	LS Niken (Ni) (*) / Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.07
28	LS Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N), N-NO ₃ (*) / Nitrate (NO ₃ ⁻ as N), N-NO ₃ (*)	0.236	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO ₃ ⁻) E:2017	2
29	LS Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), N-NO ₂ (*) / Nitrite (NO ₂ ⁻ as N), N-NO ₂ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
30	LS Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	0.076	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.3
31	LS Selen (Se) (*) / Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.01
32	LS Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*) / Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	9.90	mg/L	-	SMEWW 4500 (SO ₄ ²⁻) E:2017	250
33	LS Sunfua (S ²⁻) (*) / Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.03	EPA 376.2	0.05
34	LS Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
35	LS Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*) / Total dissolved solids (TDS) (*)	192	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2017	1000
36	LS Xyanua (CN ⁻) / Cyanide (CN ⁻)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	SMEWW 4500 (CN ⁻) B,D:2017	0.05

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 4/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
37	LS 1,1,1-Tricloroetan (*) / 1,1,1-Tricloroetan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
38	LS 1,2-Dicloroetan (*) / 1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30
39	LS 1,2-Dicloroeten (*) / 1,2-Dicloroeten (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
40	LS Cacbonetraclorua / Cacbonetraclorua	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	2	TS-KT-SK-92:2020	2
41	LS Diclorometan (*) / Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
42	LS Tetracloroeten (*) / Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
43	LS Tricloroeten (*) / Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
44	LS Vinyl chloride / Vinyl clorua	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
45	LS Benzene (*) / Benzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
46	LS Etylbenzen (*) / Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
47	LS Phenol và dẫn xuất phenol (*) / Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2021	1
48	LS Styren (*) / Styrene (*)	0.897	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
49	LS Toluen (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 5/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
50	LS Xylen (*) / Xylen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
51	LS 1,2-Diclorobenzen (*) / 1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
52	LS Monoclorobenzen (*) / Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
53	LS Triclorobenzen (*) / Triclorobenzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
54	LS Acrylamide (*) / Acrylamide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT- SK-137:2021	0.5
55	LS Epiclohydrin (*) / Epiclohydrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-92	0.4
56	LS Hexachlorobutadiene (*) / Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
57	LS 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*) / 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
58	LS 1,2 - Dicloropropan (*) / 1,2 - Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
59	LS 1,3 - Dichloropropen (*) / 1,3 - Dichloropropen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
60	LS 2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	30
61	LS 2,4 - DB (*) / 2,4 - DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	90
62	LS Alachlor (*) / Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
63	LS Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 6/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
64	LS Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine (*) / Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2021	100
65	LS Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
66	LS Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
67	LS Clodane (tổng đồng phân -cis và -trans) (*) / Chlordane (sum of cis- and trans-isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	0.2
68	LS Clorotoluron (*) / Clorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT- SK-109:2021	30
69	LS Cyanazine (*) / Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
70	LS DDT (tổng p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE, p,p'-TDE) (*) / DDT (sum p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE, p,p'-TDE) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-15:2020	1
71	LS Dichlorprop (*) / Dichlorprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-109:2021	100
72	LS Fenoprop (*) / Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
73	LS Hydroxyatrazine (*) / Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
74	LS Isoproturon (*) / Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	9
75	LS MCPA (*) / MCPA (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
76	LS Mecoprop (*) / Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	10
77	LS Methoxychlor (*) / Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
78	LS Molinate (*) / Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	6

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 7/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
79	LS Pendimetalin (*) / Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
80	LS Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
81	LS Propanil (*) / Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	20
82	LS Simazine (*) / Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
83	LS Trifluralin (*) / Trifluraline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
84	LS 2,4,6-Trichlorophenol (*) / 2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
85	LS Bromat (BrO ₃ ⁻) (*) / Bromate (BrO ₃ ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-140	10
86	LS Bromodiclorometan (*) / Bromodichloromethane (*)	12.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
87	LS Bromoform (*) / Bromoform (*)	1.22	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
88	LS Chloroform (*) / Chloroform (*)	8.90	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
89	LS Dibromoacetonitrile (*) / Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
90	LS Dibromoclorometan (*) / Dibromochloromethane (*)	9.12	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
91	LS Dichloroacetonitrile (*) / Dichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-192	20
92	LS Dichloroacetic acid (*) / Dichloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144	50

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1230200900-1

Trang/ Page No: 8/8

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
93	LS Focmaldehyt (*) / Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152 (Ref. SMEWW 6252 : 2017)	900
94	LS Monocloramin / Monochloramine	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.001	TS-KT-SK-92:2020	3
95	LS Monochloroacetic acid (*) / Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144	20
96	LS Trichloroacetic acid / Trichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	200
97	LS Trichloroaxetonitril / Trichloroaxetonitril	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	1
98	LS Hoạt độ phóng xạ alpha (*) / Gross α- radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	0.1
99	LS Hoạt độ phóng xạ beta (*) / Gross β- radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC



HUYNH TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04